

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 03/2008/QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**về việc cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và
kinh doanh chứng khoán**

THÔNG ĐỌC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2003;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các tổ chức tín dụng cho vay,

chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về tín dụng ngân hàng, các quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Các tổ chức tín dụng cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán khi đáp ứng đủ các điều kiện như sau:

1. Ban hành Quy định về nghiệp vụ cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán, trong đó có nội dung:

a) Giới hạn mức cho vay, chiết khấu đối với một khách hàng;

b) Giới hạn mức cho vay, chiết khấu đối với một nhóm khách hàng liên quan;

c) Tỷ lệ dư nợ cho vay, chiết khấu so với tổng dư nợ tín dụng;

d) Thời hạn cho vay tối đa, thời hạn chiết khấu có kỳ hạn tối đa;

đ) Tài sản bảo đảm tiền vay;

e) Biện pháp để kiểm soát và phòng ngừa rủi ro tín dụng;

2. Gửi Quy định tại khoản 1 Điều này cho Thanh tra Ngân hàng Nhà nước ngay sau khi ban hành để làm cơ sở cho việc thanh tra, giám sát hoạt động cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán.

3. Đảm bảo các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

4. Có tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ tín dụng dưới 5%.

5. Thực hiện việc hạch toán, thống kê chính xác các khoản cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán; gửi báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đúng thời hạn theo mẫu biểu tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán bao gồm:

1. Cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá đối với công ty chứng khoán;

2. Cho vay dưới hình thức cầm cố bằng chứng khoán và/hoặc bảo đảm bằng tài sản khác đối với khách hàng sử dụng vốn vay để mua các loại chứng khoán;

3. Cho vay ứng trước tiền đối với khách hàng đã bán chứng khoán và sử dụng vốn vay để mua chứng khoán;

4. Cho vay đối với khách hàng để bổ sung số tiền thiếu khi lệnh mua chứng khoán được khớp;

5. Cho vay đối với người lao động để mua cổ phần phát hành lần đầu khi chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần;

6. Cho vay để góp vốn, mua cổ phần của công ty cổ phần, mua chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư;

7. Chiết khấu giấy tờ có giá đối với khách hàng để sử dụng số tiền chiết khấu mua chứng khoán;

8. Các khoản cho vay và chiết khấu giấy tờ có giá dưới các hình thức khác mà khách hàng sử dụng số tiền đó để mua chứng khoán.

Chứng khoán bao gồm các loại chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật Chứng khoán, kể cả cổ phiếu, trái phiếu của công ty đại chúng theo quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật Chứng khoán.

Điều 4. Hệ số rủi ro và giới hạn cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán như sau:

1. Các khoản cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán thuộc nhóm tài sản “Có” có hệ số rủi ro là 250%.

2. Tổng dư nợ cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán không vượt quá 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng Công báo.

2. Các quy định sau đây hết hiệu lực thi hành: Điểm 1.3 khoản 1 Chỉ thị số 03/2007/CT-NHNN ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về kiểm soát quy mô, chất lượng tín dụng và cho vay đầu tư, kinh doanh chứng khoán nhằm kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện Chỉ thị này; điểm a, b khoản 5 Điều 6 Quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 4 năm 2005 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt

Nam (được bổ sung theo khoản 7 Điều 1 Quyết định số 03/2007/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trái với Quyết định này.

3. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, các tổ chức tín dụng đáp ứng được các quy định tại Điều 2 và khoản 2 Điều 4 Quyết định này, thì thực hiện cấp tín dụng theo quy định tại Quyết định này. Các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được các quy định tại Điều 2 và khoản 2 Điều 4 Quyết định này thì không được phép cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán; khi đáp ứng được các quy định tại Điều 2 và khoản 2 Điều 4 Quyết định này thì mới được tiếp tục cho vay, chiết khấu trong giới hạn cho phép.

Điều 6. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỐNG ĐỐC

Nguyễn Văn Giàu

TÊN TCTD BÁO CÁO:
BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY, CHIẾT KHẤU GIẤY TỜ CÓ GIÁ
ĐỀ ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH CHỨNG KHOÁN
THÁNG NĂM 20...

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	Số liệu	Tăng/giảm so với tháng trước (%)
I. Doanh số cho vay		
II. Dư nợ cho vay		
1. Phân theo thời hạn vay		
- Ngắn hạn		
- Trung hạn		
- Dài hạn		
2. Phân theo nhu cầu vốn vay		
- Cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá đối với công ty chứng khoán		
- Cho vay cầm cố bằng chứng khoán và/hoặc bảo đảm bằng tài sản khác đối với khách hàng sử dụng vốn vay để mua các loại chứng khoán		
- Cho vay ứng trước tiền đối với khách hàng đã bán chứng khoán và sử dụng vốn vay để mua chứng khoán		
- Cho vay đối với khách hàng để bổ sung số tiền thiếu khi lệnh mua chứng khoán được khớp		
- Cho vay đối với người lao động để mua cổ phần phát hành lần đầu khi chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần		

096451410

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Chi tiêu	Số liệu	Tăng/giảm so với tháng trước (%)
- Cho vay để góp vốn, mua cổ phần của công ty cổ phần, mua chứng chỉ quỹ của quỹ đầu tư		
- Chiết khấu giấy tờ có giá đối với khách hàng để sử dụng số tiền chiết khấu mua chứng khoán		
- Các khoản cho vay và chiết khấu giấy tờ có giá dưới các hình thức khác mà khách hàng sử dụng số tiền đó để mua chứng khoán		
III. Tỷ lệ dư nợ xấu cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu t và kinh doanh chứng khoán		
IV. Tỷ lệ dư nợ cho vay chứng khoán so với vốn điều lệ		

....., ngày.... tháng.... năm 20...

NGƯỜI LẬP BIỂU

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hướng dẫn lập biểu:

1. Đối tượng áp dụng: Các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, công ty tài chính, Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương

2. Tỷ lệ nợ xấu = dư nợ xấu cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán/tổng dư nợ cho vay, chiết khấu giấy tờ có giá để đầu tư và kinh doanh chứng khoán

3. Đơn vị nhận báo cáo: Vụ Chính sách tiền tệ (email: phongcstd@sbv.gov.vn, cstdcstt@yahoo.com)

4. Đề nghị ghi rõ họ tên và số điện thoại liên lạc của người chịu trách nhiệm trả lời nội dung báo cáo khi Ngân hàng Nhà nước có yêu cầu.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị liên hệ qua số điện thoại: 04-8246955

096451140